|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ****\_\_\_\_\_\_\_\_\_**Số: /2020/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ**

**doanh nghiệp nhỏ và vừa**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm: Điều 4; khoản 1 Điều 12, khoản 1 và khoản 2 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 17 và Điều 19.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Chương trình, Đề án, Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi chung là Đề án): Là một tập hợp các hoạt động có liên quan đến nhau, sử dụng các nguồn lực nhằm đạt được mục tiêu hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa hàng năm, trung hạn hoặc dài hạn.

2. Dự án đầu tư hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là Dự án đầu tư): là tập hợp các đề xuất có liên quan tới việc đầu tư kinh phí để xây dựng mới, mở rộng, sửa chữa, nâng cấp hoặc cải tạo những cơ sở vật chất nhất định liên quan tới chuỗi phân phối sản phẩm, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa và khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo nhằm đạt được mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong khoảng thời gian nhất định.

2. Cơ quan chủ trì Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Là cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ xây dựng, tổ chức thực hiện, phối hợp, giám sát, đánh giá thực hiện và chịu trách nhiệm toàn bộ về Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Là điểm truy cập trên môi trường mạng (tại địa chỉ www.business.gov.vn) hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua việc tích hợp thông tin, dịch vụ và các ứng dụng phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhỏ và vừa: là tập hợp các dữ liệu về doanh nghiệp nhỏ và vừa được tạo lập, cung cấp, truyền, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Mạng lưới tư vấn viên: Là tập hợp các tư vấn viên, tổ chức tư vấn có chuyên môn thuộc các lĩnh vực khác nhau đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa, được các cơ quan quản lý nhà nước công nhận trên cơ sở các tiêu chí được ban hành và công bố công khai để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Điều 4. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ**

1. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện theo dự toán ngân sách hàng năm hoặc theo Đề án, Dự án đầu tư trong trường hợp xác định mục tiêu hỗ trợ theo giai đoạn trung hạn hoặc dài hạn.

2. Căn cứ nguồn lực hỗ trợ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quyết định số lượng doanh nghiệp được nhận hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước;

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ trước được hỗ trợ trước.

**Điều 5. Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm các nội dung sau: Mục tiêu; đối tượng và điều kiện hỗ trợ; trình tự, thủ tục lựa chọn; nội dung hỗ trợ; nguồn lực thực hiện; cơ chế quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện; thời gian thực hiện Đề án; các nội dung khác (nếu có).

**Chương II**

**XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

**Điều 6. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được phân theo quy mô bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa.

1. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

**Điều 7. Xác định lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế và quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp hoạt động trong nhiều lĩnh vực, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực có doanh thu cao nhất. Trường hợp không xác định được lĩnh vực có doanh thu cao nhất, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực sử dụng nhiều lao động nhất.

**Điều 8. Xác định số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm của doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội là toàn bộ số lao động do doanh nghiệp quản lý, sử dụng và trả lương, trả công tham gia bảo hiểm xã hội theo pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của năm chia cho số tháng trong năm và được xác định trên chứng từ nộp bảo hiểm xã hội của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của các tháng hoạt động chia cho số tháng hoạt động.

**Điều 9. Xác định tổng nguồn vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán thể hiện trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm cuối quý liền kề thời điểm doanh nghiệp đăng ký hưởng nội dung hỗ trợ.

**Điều 10. Xác định tổng doanh thu của doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Tổng doanh thu của năm là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp và được xác định trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm hoặc trên 01 năm nhưng chưa phát sinh doanh thu thì doanh nghiệp căn cứ vào tiêu chí tổng nguồn vốn quy định tại Điều 9 Nghị định này để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Điều 11. Xác định và kê khai doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa căn cứ vào mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để tự xác định và kê khai quy mô là doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc doanh nghiệp nhỏ hoặc doanh nghiệp vừa và nộp cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp nhỏ và vừa phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai.

2. Trường hợp doanh nghiệp tự phát hiện kê khai quy mô không chính xác, doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện điều chỉnh và kê khai lại. Việc kê khai lại phải được thực hiện trước thời điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa hưởng nội dung hỗ trợ.

3. Trường hợp doanh nghiệp cố ý kê khai không trung thực về quy mô để được hưởng hỗ trợ thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả toàn bộ kinh phí và chi phí liên quan mà doanh nghiệp đã nhận hỗ trợ.

**Chương III**

**HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ, THÔNG TIN, TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC**

**Điều 12. Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

a) Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng tư vấn lựa chọn công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/doanh nghiệp/năm;

b) Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng chuyển giao công nghệ có xuất xứ của Việt Nam nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ 50% chi phí cho doanh nghiệp sử dụng các nền tảng số để tự động hóa, tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý, sản xuất kinh doanh, quy trình báo cáo, phối hợp công việc trong doanh nghiệp và chuyển đổi toàn bộ mô hình kinh doanh của doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp/năm.

d) Hỗ trợ 50% chi phí xác lập quyền sở hữu trí tuệ trong nước và nước ngoài; chi phí định giá, kiểm toán tài sản trí tuệ nhưng không quá không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp/năm.

**Điều 13. Hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn phí truy cập thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa do Bộ Kế hoạch và Đầu tư vận hành, quản lý và trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư duy trì và vận hành Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kết nối với trang thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương nhằm cung cấp thông tin về mạng lưới tư vấn viên; các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; cơ sở dữ liệu về nhà mua, doanh nghiệp đầu chuỗi để thúc đẩy kết nối kinh doanh và cung cấp thông tin chuyên sâu theo nhu cầu của doanh nghiệp. Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được phép thu phí đối với việc cung cấp thông tin chuyên sâu theo nhu cầu của doanh nghiệp theo quy định.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đăng ký với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được cấp tài khoản tham gia và tương tác trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Hoạt động nâng cấp, quản lý, vận hành và khai thác nội dung về hỗ trợ doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và Cổng thông tin quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được đảm bảo từ ngân sách nhà nước và huy động từ các nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân và theo phương thức đối tác công tư.

**Điều 14. Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Mạng lưới tư vấn viên

a) Mạng lưới tư vấn viên được xây dựng bao gồm tư vấn viên đã và đang hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành và tư vấn viên hình thành mới, đảm bảo nguyên tắc: Đối với cá nhân tư vấn phải đảm bảo về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác, trình độ đào tạo, phù hợp và đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đối với tổ chức phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Hồ sơ đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên: Đối với trường hợp cá nhân tư vấn, hồ sơ bao gồm: Sơ yếu lý lịch; bằng đào tạo; hồ sơ kinh nghiệm; các văn bản, giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện); đối với trường hợp tổ chức tư vấn: Giấy phép thành lập; hồ sơ kinh nghiệm, hồ sơ của các cá nhân tư vấn thuộc tổ chức và các văn bản, giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện);

c) Tư vấn viên hoặc tổ chức tư vấn nộp hồ sơ quy định tại điểm b khoản này tới đơn vị đầu mối thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được giao tổ chức hoạt động mạng lưới tư vấn viên để được công nhận vào mạng lưới tư vấn viên và công bố trên trang thông tin điện tử của mình trong thời hạn 10 ngày làm việc.

d) Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc hình thành, vận hành và quản lý hoạt động của mạng lưới tư vấn viên.

2. Định mức hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ dịch vụ tư vấn (không bao gồm tư vấn về thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành).

a) Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng và không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp. Doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ được hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/hợp đồng và không quá 40 triệu đồng/doanh nghiệp;

b) Doanh nghiệp nhỏ được hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp. Doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ được hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/hợp đồng và không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

c) Doanh nghiệp vừa được hỗ trợ tối đa 30% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng và không quá 90 triệu đồng/năm/doanh nghiệp. Doanh nghiệp vừa do phụ nữ làm chủ được hỗ trợ tối đa không quá 60 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

d) Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị ngoài được hưởng các hỗ trợ tư vấn nêu tại tiết a, b và c khoản này còn được miễn, giảm phí tư vấn theo quy định tại
Chương IV của Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục hỗ trợ dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa lựa chọn tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên của bộ, cơ quan ngang bộ trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ để lựa chọn tư vấn viên hoặc tổ chức tư vấn phù hợp nhu cầu của doanh nghiệp và tiến hành thỏa thuận dịch vụ tư vấn với tổ chức, cá nhân tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn tại cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hồ sơ tư vấn là điều kiện để cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xem xét cung cấp dịch vụ hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hồ sơ bao gồm: Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Biên bản thỏa thuận dịch vụ tư vấn giữa doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân tư vấn tới cơ quan hỗ trợ để được phê duyệt hỗ trợ tư vấn

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn của doanh nghiệp, cơ quan chủ trì hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thẩm định hồ sơ, phê duyệt hỗ trợ tư vấn và thông báo cho cho doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp chưa đủ điều kiện, cơ quan chủ trì hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hướng dẫn doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đúng yêu cầu.

d) Trên cơ sở phê duyệt hỗ trợ tư vấn của cơ quan hỗ trợ, doanh nghiệp ký hợp đồng tư vấn với tổ chức, cán nhân tư vấn và tiến hành hoạt động tư vấn.

đ) Sau khi dịch vụ tư vấn hoàn thành, doanh nghiệp tiến hành nghiệm thu, thanh lý, thanh toán hợp đồng dịch vụ tư vấn với tổ chức, cá nhân tư vấn. Đồng thời, đề nghị cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thanh toán số kinh phí được miễn, giảm phí tư vấn theo thông báo được phê duyệt.

**Điều 15. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối thiểu 50% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ được miễn học phí tham gia khóa đào tạo.

c) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí xây dựng chương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng khác cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm các chuyên đề đào tạo dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ; hỗ trợ 100% chi phí xây dựng, duy trì và nâng cấp phần mềm đào tạo trực tuyến, chi phí đường truyền hệ thống đào tạo trực tuyến.

2. Hỗ trợ đào tạo nghề

Doanh nghiệp nhỏ và vừa khi cử lao động tham gia khóa đào tạo trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo dưới 03 tháng thì được miễn chi phí đào tạo. Các chi phí còn lại do doanh nghiệp nhỏ và vừa và người lao động thỏa thuận. Lao động tham gia khóa đào tạo phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đã làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tối thiểu 06 tháng liên tục;

b) Không quá 50 tuổi đối với nam, 45 tuổi đối với nữ.

3. Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được hỗ trợ 50% tổng chi phí của một khóa đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhưng không quá 01 lần một năm. Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ được hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khoá đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhưng không quá 01 lần một năm.

4. Hỗ trợ bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Hoạt động bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện theo quy định hiện hành về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

**Chương IV**

**HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CHUYỂN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ**

**Mục 1**

**HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CHUYỂN ĐỔI TỪ**

**HỘ KINH DOANH**

**Điều 16. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp**

1. Hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao đơn vị đầu mối tư vấn, hướng dẫn miễn phí:

a) Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp;

b) Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có).

2. Hồ sơ để doanh nghiệp nhỏ và vừa được hưởng nội dung quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế;

c) Bản sao chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi.

3. Trình tự, thủ tục đăng ký tư vấn, hướng dẫn miễn phí:

a) Chủ hộ kinh doanh gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này tại đơn vị đầu mối được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao tư vấn, hướng dẫn;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, đơn vị đầu mối có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn miễn phí các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 17. Hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin doanh nghiệp**

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh đáp ứng điều kiện về hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại cơ quan đăng ký kinh doanh; miễn phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

**Điều 18. Hỗ trợ thẩm định, cấp phép kinh doanh lần đầu**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn phí thẩm định, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà không thay đổi về quy mô thì cần có đơn gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy phép. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp lại giấy phép trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn.

Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh vẫn sản xuất kinh doanh ngành nghề kinh doanh, có điều kiện mà thay đổi về quy mô thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn miễn phí về quy trình, thủ tục việc cấp phép lần đầu.

**Điều 19. Hỗ trợ lệ phí môn bài**

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

**Điều 20. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được tư vấn hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm giao đơn vị đầu mối thực hiện tư vấn, hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán quy định tại khoản 1 Điều này.

**Mục 2**

**HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**

**Điều 21. Phương thức lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo để hỗ trợ**

Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khi đáp ứng điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được lựa chọn hỗ trợ theo một trong các phương thức:

1. Được đầu tư, lựa chọn bởi các cơ quan, tổ chức bao gồm:

a) Các khu làm việc chung quy định tại Điều 12 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, đáp ứng các tiêu chí sau: Người đứng đầu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; tổ chức có ít nhất 01 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 01 tỷ đồng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam;

c) Các Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Điều 18 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Được nhận các giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo.

3. Được cấp Giấy chứng nhận, văn bằng bảo hộ đối với sáng kiến, sáng chế.

4. Được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao.

5. Được lựa chọn trực tiếp bởi Hội đồng.

Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc cơ quan chủ trì xây dựng Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể thành lập Hội đồng để lựa chọn doanh nghiệp hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng và cơ chế làm việc của Hội đồng do cơ quan chủ trì triển khai hỗ trợ quyết định;

b) Có tối thiểu 50% thành viên tham gia Hội đồng là đại diện từ các chuyên gia tư vấn độc lập trong nước và quốc tế, hiệp hội liên quan và các cá nhân khác;

c) Các thành viên của Hội đồng từ đại diện các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm;

d) Hội đồng hoạt động liên tục trong toàn bộ thời gian thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quyết định của cơ quan chủ trì và tự giải thể sau khi kết thúc thời gian thực hiện.

đ) Kinh phí hoạt động của Hội đồng được tổng hợp chung trong kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

**Điều 22. Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo**

1. Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung

a) Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp.

2. Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện chính sách, kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thiết kế, lập hồ sơ đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị của nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về sử dụng, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

đ) Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn xây dựng và triển khai hoạt động quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

e) Hỗ trợ 50% kinh phí đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong và ngoài nước nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

g) Hỗ trợ 50% kinh phí tham gia triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá 20 triệu đồng/doanh nghiệp/năm.

3. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, hệ thống quản lý nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; hỗ trợ 50% chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; hỗ trợ 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

d) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý tại doanh nghiệp nhưng không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp/năm;

đ) Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận hệ thống quản lý tại doanh nghiệp nhưng không quá 50 triệu/doanh nghiệp/năm;

e) Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các trung tâm thử nghiệm sản phẩm hàng hoá nhưng không quá 30 triệu đồng/doanh nghiệp/năm;

h) Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng trên/doanh nghiệp/năm.

4. Hỗ trợ phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ

a) Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng tư vấn lựa chọn công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 150 triệu đồng trên một hợp đồng trên một doanh nghiệp trên một năm;

b) Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng chuyển giao công nghệ có xuất xứ của Việt Nam nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

5. Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu

a) Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về các nội dung sau: xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học; nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các khoá huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp/năm;

6. Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo

a) Miễn phí tra cứu thông tin về: hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế; các sáng chế, thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học; thông tin kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;

b) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, gian hàng trưng bày, vận chuyển sản phẩm trưng bày tại Hội trợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế nhưng không quá 30 triệu đồng/doanh nghiệp/năm; được ưu tiên tham gia Chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 30 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp.

**Mục 3.**

**HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ**

**Điều 23. Tiêu chí lựa chọn cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị**

Việc lựa chọn cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

1. Đóng góp cao trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của quốc gia hoặc địa phương.

2. Tạo việc làm cho người lao động.

3. Tạo ra giá trị gia tăng cao.

4. Có mật độ doanh nghiệp tham gia lớn.

Điều 24. Phương thức lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa để hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị quy định tại khoản 2, khoản 7 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được lựa chọn hỗ trợ theo một trong các phương thức:

1. Có hợp đồng hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp dẫn dắt trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

2. Có hợp đồng mua chung nguyên vật liệu đầu vào.

3. Có hợp đồng bán chung sản phẩm.

4. Cùng xây dựng và sử dụng thương hiệu vùng.

5. Được doanh nghiệp đầu chuỗi hoặc cơ quan hỗ trợ đánh giá có tiềm năng trở thành nhà cung ứng cho doanh nghiệp đầu chuỗi trên cơ sở bộ công cụ đánh giá năng lực tham gia chuỗi giá trị của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Điều 25. Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị**

1. Hỗ trợ về đào tạo:

Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên biệt nhưng không quá 30 triệu đồng/khoá đào tạo/doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/năm.

2. Hỗ trợ liên kết sản xuất và kinh doanh

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa để tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

3. Hỗ trợ về thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường:

a) Miễn phí tra cứu thông tin về các sự kiện kết nối với doanh nghiệp đầu chuỗi, quy trình tìm kiếm, xác định nhu cầu đặt hàng của các doanh nghiệp đầu chuỗi;

b) Miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

c) Hỗ trợ chi phí thuê gian hàng tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp/năm;

d) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, bí mật kinh doanh nhưng không quá 30 triệu đồng/doanh nghiệp/năm;

đ) Hỗ trợ 100% chi phí hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, hệ thống quản lý nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; hỗ trợ 50% chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; hỗ trợ 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/lần/năm/doanh nghiệp;

c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp tự tổ chức đo lường nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu/sản phẩm/năm/doanh nghiệp.

5. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng

a) Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm chất lượng hàng hoá tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan nhà nước nhưng không quá 10 triệu đồng/lần/năm/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/lần/năm/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV nhưng không quá 20 triệu đồng/lần/năm/doanh nghiệp.

**Điều 26. Hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được vay lãi suất ưu đãi tại các ngân hàng thương mại quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Các ngân hàng được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất khi thực hiện cho vay ưu đãi đối với các đối tượng là doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

3. Điều kiện được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất

Các ngân hàng thương mại được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất khi đáp ứng được đầy đủ các điều kiện sau:

a) Thực hiện cho vay đối với các đối tượng là doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

b) Các khoản cho vay được cấp bù lãi suất là các khoản cho vay đúng đối tượng quy định tại tiết a khoản này và khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

4. Lãi suất vay vốn

Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị vay vốn tại các ngân hàng thương mại sẽ được vay với lãi suất bằng 80% so với lãi suất cho vay ngân hàng đang áp dụng đối với khoản vay có thời hạn tương ứng.

5. Phạm vi và nguyên tắc cấp bù

a) Ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch 20% lãi suất so với lãi suất cho vay thông thường đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị của các ngân hàng thương mại. Tổng số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất hàng năm được thực hiện trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước hàng năm đã được Quốc hội quyết định.

b) Số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất được tính toán trên cơ sở dư nợ trong hạn cho doanh nghiệp với 20% lãi suất cho vay thông thường tại các ngân hàng thương mại.

c) Các ngân hàng thương mại thực hiện việc cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị phải theo dõi, hạch toán riêng số tiền cho vay, thu nợ, dư nợ để đảm bảo cho việc tính toán, kiểm tra số cấp bù chênh lệch lãi suất được chính xác.

6. Quy trình cấp bù lãi suất

a) Lập kế hoạch cấp bù lãi suất

Các ngân hàng thương mại lập kế hoạch cấp bù lãi suất năm theo công thức sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số cấp bù trong năm kế hoạch | == | Dư nợ cho vay bình quân năm kế hoạch | xx | Mức lãi suất cấp bù năm kế hoạch |

Trong đó:

- Dư nợ cho vay bình quân năm kế hoạch được tính theo công thức bình quân số học giữa dư nợ đầu năm và dư nợ cuối năm kế hoạch;

- Mức lãi suất cấp bù năm kế hoạch thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định này.

b) Báo cáo kế hoạch cấp bù lãi suất

Hàng năm, Ngân hàng nhà nước Việt Nam tổng hợp nhu cầu của các ngân hàng thương mại về nhu cầu cấp bù lãi suất đối với hợp đồng tín dụng đã ký, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và văn bản hướng dẫn thi hành.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 27. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, có trách nhiệm:

a) Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Tham gia ý kiến đối với các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tổ chức liên quan;

c) Chủ trì tổng hợp, xây dựng kế hoạch, Dự án đầu tư và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, trung hạn và dài hạn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan; phối hợp với Bộ Tài chính bố trí vốn chi thường xuyên từ nguồn ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan ngang bộ và hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn thi hành;

d) Chủ trì cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển hàng năm, trung hạn và dài hạn, trình cấp có thẩm quyền quyết định để thực hiện các Dự án đầu tư, cấp bù chênh lệch lãi suất cho các ngân hàng thương mại thực hiện cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật đầu tư công.

đ) Quản lý, bảo đảm hoạt động của Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; công bố thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 14 của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực tham gia chuỗi giá trị của doanh nghiệp nhỏ và vừa để các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và các tổ chức liên quan có căn cứ lựa chọn doanh nghiệp hỗ trợ;

g) Chủ trì hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị kinh doanh, đào tạo trực tuyến và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Nghị định này; tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo trực tuyến và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; hướng dẫn về hoạt động hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoạt động hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên và các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị theo quy định tại Nghị định này.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Căn cứ vào kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, trung hạn và dài hạn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, Bộ Tài chính bố trí và phân bổ dự toán ngân sách chi thường xuyên thực hiện các nội dung, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Chủ trì hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Nghị định này;

c) Quy định chính sách về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn giảm tiền sử dụng đất có thời hạn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh;

d) Chủ trì hướng dẫn chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; Thực hiện tạm cấp bù và quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất cho các ngân hàng thương mại trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước giao; Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện rà soát, đối chiếu số liệu đề nghị quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất của các ngân hàng thương mại.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này.

4. Ngân hàng nhà nước Việt Nam có trách nhiệm:

a) Chủ trì tổng hợp nhu cầu cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại đối với các khoản vay cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung vào kế hoạch đầu tư công hàng năm và trung hạn.

b) Chủ trì đề xuất các ngân hàng thương mại tham gia quá trình cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

c) Thực hiện vai trò giám sát, quản lý nhà nước đối với hoạt động tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị tại các ngân hàng thương mại.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình, có trách nhiệm:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện các nội dung, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc ngành, lĩnh vực quản lý;

b) Công bố thông tin theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 14 của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, công bố trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

c) Xây dựng tiêu chí và công nhận tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên trong ngành, lĩnh vực phụ trách; công bố mạng lưới tư vấn viên trên trang thông tin điện tử của mình đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố công khai trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; giao đơn vị đầu mối trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức, quản lý, kiểm tra, giám sát, thực hiện hoạt động tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

d) Xây dựng dự toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hàng năm và trung hạn.

**Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Xây dựng, sửa đổi và ban hành chủ trương, chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Xây dựng dự toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hàng năm và trung hạn.

3. Chủ động bố trí nguồn kinh phí trên cơ sở nguồn vốn ngân sách địa phương và nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương để thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Xây dựng, tổ chức thực hiện các nội dung, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định này.

5. Giao đơn vị đầu mối tư vấn, hướng dẫn hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp quy định tại Nghị định này.

6. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan tình hình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của địa phương.

**Điều 29. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Chủ trì xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đảm bảo nguyên tắc:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ trình Thủ tướng Chính phủ ra quyết định sau khi lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đảm bảo thống nhất về tính đồng bộ, mục tiêu đối tượng trọng tâm hỗ trợ để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương trước khi ra quyết định phê duyệt triển khai nội dung, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

c) Căn cứ nguồn lực hỗ trợ và đặc thù của địa phương, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có thể trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt mức hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ quy định tại Điều 21, Điều 24 Nghị định này.

2. Xây dựng quy chế phối hợp, giám sát và đánh giá thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Định kỳ hàng năm báo cáo cơ quan có thẩm quyền và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 30. Xử lý chuyển tiếp**

Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo nội dung, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt và được hưởng các hỗ trợ mới theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 31. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành và thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Điều 32. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai Nghị định này, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, ĐMDN (2b).KN | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |

**PHỤ LỤC**

TỜ KHAI XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ, DOANH NGHIỆP NHỎ, DOANH NGHIỆP VỪA*(Kèm theo Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ)*

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp: ………………………………………………………………………………

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: ………………………………………………………………

Loại hình doanh nghiệp: …………………………………………………………………………

Địa chỉ trụ sở chính: ………………………………………………………………………………

Quận/huyện: ……………………tỉnh/thành phố: ………………………………………………

Điện thoại:………………….. Fax:………………………….... Email: …………………………

2. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính: …………………………………………………………

Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm:………………………………………

Tổng nguồn vốn: …………………………………………………………………………………

Tổng doanh thu năm trước liền kề:………………………………………………………………

3. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):

□ Doanh nghiệp siêu nhỏ

□ Doanh nghiệp nhỏ

□ Doanh nghiệp vừa

Tôi cam đoan thông tin kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về việc kê khai trên./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | *…..., ngày ….tháng….năm….* **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)* |